TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày 29-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tèo;

Ông Lê Văn Rẽn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô M Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Quốc T**, sinh ngày: 11/3/1983, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi đăng ký thường trú: thôn Y, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Hồng Q và bà Đinh Thị Đ1; có vợ và 02 con: sinh năm 2012 và 2013; tiền án: Bản án số 223/2012/HSST ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự (năm 1999) xử phạt bị cáo Đinh Quốc T 7.000.000 đồng, chưa chấp hành xong. Bản án số 121/2014/HSST ngày 04/4/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự (năm 1999) xử phạt bị cáo Đinh Quốc T 06 tháng tù, đã chấp hành xong. Bản án số 127/2015/HSST ngày 22/4/2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí M, áp dụng điểm c khoản 2

Điều 248; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (năm 1999) xử phạt bị cáo Đinh Quốc T 02 năm tù, đã chấp hành xong; tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. **Văn Bá A**, sinh ngày: 17/10/1981. Tại: tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký thường trú: thôn CG, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Bá Ph (đã chết) và bà Hà Thị Th; có vợ và 02 người con sinh năm 2009 và 2017; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt

3. **Nguyễn Hồng P**, sinh ngày: 20/01/1975. Tại: tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký thường trú: ấp TN, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D2 (đã chết) và bà Lê Thị Tuyết L; có vợ (đã ly hôn) và 02 người con sinh năm 2002 và 2007; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

4. **Nguyễn Văn Tấn E** (tên gọi khác: Th), sinh ngày: 29/5/1993. Tại: tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: khóm T A, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ph1; vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

5. **Nguyễn Hoàng S**, sinh ngày: 23/7/1992. Tại: tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký thường trú: số 288/75A, tổ 67, khu phố Z, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S3 (đã chết) và bà Võ Chân B4; có vợ (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2017; tiền án: không có; tiền sự: không có; nhân thân: năm 2012 bị tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xử phạt 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

6. **Đỗ Quang M**, sinh năm: 1988. Tại: tỉnh Ninh Bình. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Ph4, xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thái B5 (đã chết) và bà Vũ Thị

L3; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

7. **Nguyễn Bằng G**, sinh ngày: 11/12/1985. Tại: tỉnh Cao Bằng. Nơi đăng ký thường trú: tổ x, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quyết Ch và bà Ngôn Thị T3; có vợ và 01 người con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

8. **Đặng Văn Tr**, sinh ngày: 15/3/1982. Tại: tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký thường trú: khu vực TH1, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th6 và bà Nguyễn Thị Xuân M2; có vợ và 01 con sinh năm 2011; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

9. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày: 30/8/1972. Tại: Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, phường TL, thành phố PLeiku, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh1 (đã chết) và bà Phạm Thị Kh2; có vợ và 02 người con, sinh năm 1996 và 1998; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Thiện P1, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: ấp T7, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25/01/2021, tại quán cà phê của ông Lê Thiện P1, sinh năm 1979, trú tại ấp C5, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, có 01 người đàn ông chưa xác định được lai lịch tổ chức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, người làm cái dùng 01 cái dĩa, 01 cái chén úp lên cái dĩa, bên trong chén có 04 quân bài, mỗi quân bài có 02 mặt, mặt trước của 04 quân bài giống nhau, mặt sau của 04 quân bài cũng giống nhau, người làm cái lắc dĩa, người tham gia đặt tiền theo hình thức chẵn, lẻ, nếu khi dỡ chén ra mà mặt trên của 02 quân bài hoặc 04 quân bài giống nhau là chẵn, nếu mặt trên của 03 quân bài giống nhau là

lẻ, người tham gia đặt tiền nếu đặt chẵn kết quả chẵn thì thắng được tiền, đặt lẻ nếu kết quả lẻ thì thắng được tiền, ngược lại thì thua số tiền đã đặt. Mỗi người đặt thấp nhất 50.000 đồng, cao nhất 500.000 đồng. Những người tham gia xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Đinh Quốc T, Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Nguyễn Hoàng S, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện Bến Cầu bắt quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan đến việc đánh bạc, trong đó tiền tại sòng bạc 5.300.000 đồng, tiền thu giữ của những người tham gia đánh bạc 24.764.000 đồng, riêng người đàn ông tổ chức xóc đĩa đã chạy thoát.

Các bị cáo khai nhận số tiền mang theo gồm: T 14.775.000 đồng; Ân 5.500.000 đồng; P 4.400.000 đồng; Tấn E 1.500.000 đồng; S 500.000 đồng; M 300.000 đồng; G 209.000 đồng; Tr 190.000 đồng; Đ 100.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ hiện Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý gồm:

- Tiền Việt Nam thu tại chiếu bạc: 5.300.000 đồng.

- 01 bộ dụng cụ xóc đĩa gồm: 01 dĩa sành màu trắng, 01 chén màu trắng và 04 quân vị hình tròn đã qua sử dụng;

- Thu tại nhà ông Lê Thiện P1: 01 cái bàn bằng gỗ, dài 1,90 mét, cao 0,5 mét, ngang 0,68 mét, đã qua sử dụng; 01 cái ghế bằng tre, chiều dài 1,43 mét, ngang 0,46 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,37 mét, dùng để tựa lưng cao 0,79 mét, đã qua sử dụng; 01 cái ghế bằng tre và gỗ, chiều dài 1,52 mét, ngang 0,43 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,35 mét, dùng để tựa lưng cao 0,64 mét;

- Thu của bị cáo T: tiền Việt Nam 14.075.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu Samsung A71, số IMEI 354565115691135, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Nokia 3310, số IMEI 355754100558116;

- Thu của bị cáo S: tiền Việt Nam 300.000 đồng; 01 điện thoại di động màu bạc, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359231061412051, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo A: tiền Việt Nam 6.000.000 đồng; 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Vivo, số IMEI 865569034433134, đã qua sử dụng;

- Thu của bị cáo P: tiền Việt Nam 4.100.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Samsung A71, số IMEI 353408/11/217948/4, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo Tấn E: tiền Việt Nam 190.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xám, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, số IMEI 355731099658842, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo M: 01 điện thoại di động màu bạc, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359316067645769, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo G: tiền Việt Nam 9.000 đồng; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Xiaomi, số IMEI 868489042759718/01, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo Tr: tiền Việt Nam 90.000 đồng; 01 điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359156079004187, đã qua sử dụng.

- Thu của bị cáo Đ: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105, số IMEI 353120116323428, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKSBC ngày 12 tháng 5 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đề nghị truy tố bị cáo Đinh Quốc T về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Nguyễn Hoàng S, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Ông Lê Thiện P1 không biết việc các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền tại quán cà phê của ông và ông P không có hưởng lợi, nên không xử lý.

Người đàn ông tổ chức xóc đĩa được thua bằng tiền nhưng chưa xác được tên, địa chỉ nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Quốc T, Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Nguyễn Hoàng S, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Quốc T từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá A từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn E từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Quang M từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bằng G từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Tr từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định pháp luật.

Tất cả các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Ông Lê Thiện P1 trình bày tài sản là bàn ghế bị thu giữ đã không còn giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu nhận lại và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều trình bày đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh: Vào lúc 23 giờ 30 ngày 25/01/2021, tại quán cà phê của ông Lê Thiện P1 thuộc ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, Đinh Quốc T, Nguyễn Hoàng S, Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ tham gia xóc đĩa được thua bằng tiền, thu giữ vật chứng liên quan đến việc đánh bạc, trong đó có số tiền dùng để đánh bạc 30.064.000 đồng. Hành vi của T, S, Ân, P, E, M, G, Tr, Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm khách thể là trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có 02 tiền án về tội "Đánh bạc" nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó có đủ căn cứ xác định các bị cáo T phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo S, Ân, P, E, M, G, Tr, Đ phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu đã truy tố là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn thu lợi bất chính cao bằng con đường cờ bạc nên xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: các bị cáo phạm tội không có tính tổ chức, mỗi bị cáo đều thực hiện hành vi đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi của từng bị cáo đã thực hiện.

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Không có bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ:

[5.2.1] Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2.2] Các bị cáo A, P, Tấn E, M, G, Tr, Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5.2.3] Bị cáo S có thời gian tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo T có chú ruột là liệt sĩ, có ông bà nội được tặng Huy chương kháng chiến và Bảng Gia đình vẻ vang; bị cáo Tấn E có ông nội là liệt sỹ, bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo M có cha ruột tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng; bị cáo P có cha và mẹ ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, cha ruột được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương chiến sĩ vẻ vang. Do đó Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo T, Tấn E, S, M, P được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Xét thấy, bị cáo T có 03 tiền án về tội "Đánh bạc"; bị cáo S từng bị xét xử 01 lần với hình phạt tiền về tội "Đánh bạc" đã được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho thấy ý thức chấp hành pháp luật kém, sẽ được xem xét khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Áp dụng hình phạt:

[6.1] Hình phạt chính: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù và Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo là có căn cứ, bởi lẽ: tất cả các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng các bị cáo T, S, P, M, Tấn E còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo.

[6.2] Hình phạt bổ sung: Cần phạt bổ sung đối với các bị cáo T, Ân và P một khoản tiền để sung vào ngân sách nhà nước. Không phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt áp dụng cho từng bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.1] Đối với tiền Việt Nam 30.064.000 đồng (ba mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc- tang vật của vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

[7.2] Đối với 01 (một) bộ dụng cụ xóc đĩa đã qua sử dụng; 01 (một) cái bàn bằng gỗ, dài 1,90 mét, cao 0,5 mét, ngang 0,68 mét, đã qua sử dụng; 01 (một) cái ghế bằng tre, chiều dài 1,43 mét, ngang 0,46 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,37 mét, dùng để tựa lưng cao 0,79 mét, đã qua sử dụng; 01 (một) cái ghế bằng tre và gỗ, chiều dài 1,52 mét, ngang 0,43 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,35 mét, dùng để tựa lưng cao 0,64 mét đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

[7.2] Đối với 10 (mười) điện thoại di động các loại đã qua sử dụng là tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, nên trả lại cho các bị cáo. Nhưng tiếp tục tạm giữ tài sản của các bị cáo T, Ân và P để đảm bảo thi hành án.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Đinh Quốc T, Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Nguyễn Hoàng S, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Quốc T: 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2021.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Quốc T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Văn Bá A: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Văn Bá A đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo Văn Bá A số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.3. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 35, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Hồng P đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hồng P số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38, của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn E: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Tấn E đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Hoàng S đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang M: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đỗ Quang M đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bằng G: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Bằng G đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Tr: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đặng Văn Tr đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ: 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) là bằng thời hạn tù.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: tiền Việt Nam 30.064.000 đồng (ba mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ xóc đĩa đã qua sử dụng; 01 (một) cái bàn bằng gỗ, dài 1,90 mét, cao 0,5 mét, ngang 0,68 mét, đã qua sử dụng; 01 (một) cái ghế bằng tre, chiều dài 1,43 mét, ngang 0,46 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,37 mét, dùng để tựa lưng cao 0,79 mét, đã qua sử dụng; 01 (một) cái ghế bằng tre và gỗ, chiều dài 1,52 mét, ngang 0,43 mét, mặt ghế dùng để ngồi cao 0,35 mét, dùng để tựa lưng cao 0,64 mét đã qua sử dụng;

- Trả cho bị cáo Đinh Quốc T: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu Samsung A71, số IMEI 354565115691135, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia 3310, số IMEI 355754100558116. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho bị cáo Văn Bá A: 01 (một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Vivo, số IMEI 865569034433134, đã qua sử dụng. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Hồng P: 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Samsung A71, số IMEI 353408/11/217948/4, đã qua sử dụng. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn Tấn E: 01 (một) điện thoại di động màu xám, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, số IMEI 355731099658842, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Hoàng S: 01 (một) điện thoại di động màu bạc, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359231061412051, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Đỗ Quang M: 01 (một) điện thoại di động màu bạc, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359316067645769, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Bằng G: 01 (một) điện thoại di dộng màu đen nhãn hiệu Xiaomi, số IMEI 868489042759718/01, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Đặng Văn Tr: 01 (một) điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI 359156079004187, đã qua sử dụng;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105, số IMEI 353120116323428, đã qua sử dụng;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh)

3. **Về án phí**: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đinh Quốc T, Văn Bá A, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn Tấn E, Nguyễn Hoàng S, Đỗ Quang M, Nguyễn Bằng G, Đặng Văn Tr, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thiện P1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- CQCSĐT CA huyện Bến Cầu;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- C.c THA.DS huyện Bến Cầu;
- CQ Thi hành án hình sự huyện Bến Cầu;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Chu Y